TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2026/DS-ST
Ngày: 27 – 02 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Giáp Long.
2. Bà Nguyễn Bạch Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:* Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2025/TLST-DS ngày 11/11/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-DS ngày 14/01/2026 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Thanh T, sinh năm 1985 (có mặt).
Địa chỉ: Số A Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.
– *Bị đơn:* Ông Trần Vĩnh H, sinh năm 1965 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số C, đường L, phường P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Thanh T trình bày: Vào ngày 19/7/2024, ông Đoàn Thanh T có cho ông Trần Vĩnh H vay số tiền là 230.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tài sản, có công chứng. Mục đích vay tiền để cho con ông H làm vốn kinh doanh. Thời hạn vay là 12 tháng, đến ngày 19/7/2025 trả vốn gốc, trong hợp đồng không ghi lãi suất cụ thể, nhưng hai bên thỏa thuận miệng mức lãi suất là 4%/tháng, trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay ông H chỉ đóng lãi được 08 tháng, từ ngày 19/7/2024 đến tháng ngày 19/3/2025 tương ứng với số tiền 9.200.000 đồng x 08 tháng = 73.600.000 đồng. Từ ngày 19/3/2025 đến nay, không đóng lãi cũng không trả vốn gốc khi đến hạn. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Trần Vĩnh H không trả.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Vĩnh H phải thanh toán cho ông Đoàn Thanh T số tiền gốc là 230.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/3/2025 đến ngày 27/02/2026 với lãi suất 1,65%/tháng.

Tại phiên toà ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó thay đổi yêu cầu về lãi suất, đồng ý khấu trừ số tiền ông H đã đóng lãi vượt mức quy định của pháp luật là 43.056.000 đồng vào vốn gốc. Như vậy vốn gốc đến ngày 19/3/2025 còn lại là 230.000.000 đồng – 43.056.000 đồng = 186.944.000 đồng. Từ ngày 19/3/2025 đến ngày xét xử 27/02/2026 lãi được tính như sau: 186.944.000 đồng x 1,65%/tháng x 11 tháng 08 ngày = 34.752.890 đồng, tổng cộng vốn và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 221.696.890 đồng. Đồng thời yêu cầu ông H phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất là 1,65%/tháng.

– Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Trần Vĩnh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Đoàn Thanh T khởi kiện bị đơn ông Trần Vĩnh H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền vay và lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại phường P, thành phố Cần Thơ nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Trần Vĩnh H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên toà ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện theo đó thay đổi yêu cầu về lãi suất, đồng ý khấu trừ số tiền ông H đã đóng lãi mức quy định của pháp luật là 43.056.000 đồng trừ vào vốn gốc. Như vậy vốn gốc đến ngày 19/3/2025 còn lại là 230.000.000 đồng – 43.056.000 đồng = 186.944.000 đồng. Từ ngày 19/3/2025 đến ngày xét xử 27/02/2026 lãi yêu cầu là: 186.944.000 đồng x 1,65%/tháng x 11 tháng 08 ngày = 34.752.890 đồng, tổng cộng vốn và lãi bị đơn phải trả cho nguyên

đơn là 221.696.890 đồng. Đồng thời yêu cầu ông H phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất là 1,65%/tháng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu trên của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đơn khởi kiện của ông Đoàn Thanh T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Vĩnh H trả số tiền vốn vay là 230.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,65%/tháng, từ ngày 19/3/2025 đến ngày xét xử 27/02/2026 lãi yêu cầu là: 186.944.000 đồng x 1,65%/tháng x 11 tháng 08 ngày = 34.752.890 đồng, tổng cộng vốn và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 221.696.890 đồng, vì theo ông T thì vào ngày 19/7/2024 ông H có vay của ông T số tiền 230.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất không ghi trong hợp đồng mà thoả thuận bằng lời nói là 4%/tháng, lãi trả hàng tháng và trả lại tiền vốn khi hết hạn hợp đồng vào ngày 19/7/2025. Khi vay tiền hai bên có làm hợp đồng có công chứng. Sau khi vay tiền ông H trả lãi cho ông T được 08 tháng, mỗi tháng 9.200.000 đồng, từ ngày 19/7/2024 đến tháng 19/3/2025 với số tiền 73.600.000 đồng, từ ngày 19/3/2025 đến nay không trả lãi cũng không trả lại tiền vốn khi đến hạn. Ông T đã nhiều lần liên hệ với ông H yêu cầu trả lại vốn và lãi nhưng ông H không trả nên phát sinh tranh chấp.

[5] Xét thấy, việc vay tiền giữa hai bên có làm "Hợp đồng vay tài sản" ngày 19/7/2024 có công chứng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất do hai bên thoả thuận (không vượt quá lãi suất do nhà nước quy định) (bút lục 26), hợp đồng vay xác lập giữa các bên là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch đủ năng lực hành vi, hình thức, nội dung và mục đích vay phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và vi phạm nghĩa vụ trả vốn vay khi đến hạn vào ngày 19/7/2025. đã gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H có nội dung ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền vốn, lãi vay nêu trên, nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do ông T xuất trình, nên căn cứ vào hợp đồng vay nêu trên và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông H có vay tiền ông ông T nên việc ông T khởi kiện yêu cầu trả tiền vay là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông T thừa nhận ông H đã trả lãi cho ông T 08 tháng với lãi suất 04%/tháng, mỗi tháng trả 9.200.000 đồng, từ ngày 19/7/2024 đến ngày 19/03/2025 với số tiền 73.600.000 đồng. Từ ngày 19/03/2025 đến nay chưa trả lãi. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất do hai bên thoả thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, việc ông H trả lãi cho ông T với lãi suất 4%/tháng là vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật, phần lãi đã trả vượt giới hạn được quy định nêu trên không có hiệu lực. Tại phiên toà, ông T cũng đồng ý khấu trừ số tiền đã đóng lãi vượt vào gốc. Như vậy lãi suất do pháp luật quy định là: 230.000.000 đồng x 08 tháng x 1,66%/tháng = 30.544.000 đồng, số tiền lãi bị đơn đã đóng vượt là 43.056.000 đồng, sẽ trừ vào vốn gốc. Như vậy vốn gốc đến ngày 19/3/2025 còn

lại là 230.000.000 đồng – 43.056.000 đồng = 186.944.000 đồng. Từ ngày 19/3/2025 đến ngày xét xử 27/02/2026 lãi được tính như sau: 186.944.000 đồng x 1,65%/tháng x 11 tháng 08 ngày = 34.752.890 đồng, tổng cộng vốn và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 221.696.890 đồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi của nguyên đơn, buộc ông H trả cho cho ông T tổng cộng 221.696.890 đồng.

[7] Ngoài ra, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *"Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thoả thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thì hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015"*. Do đó, ông T yêu cầu kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 1,65%/tháng cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc cho ông T, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông H phải chịu 11.084.844 đồng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của ông T được chấp nhận. Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244 , Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thanh T

Buộc ông Trần Vĩnh H trả cho ông Đoàn Thanh T số tiền vốn và lãi vay tổng cộng 221.696.890 đồng (trong đó gốc là 186.944.000 đồng, lãi 34.752.890 đồng).

Kể từ ngày 28/02/2026 ông Trần Vĩnh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 1,65%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho ông Đoàn Thanh T.

2/ Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Vĩnh H phải chịu 11.084.844 đồng.

Nguyên đơn ông Đoàn Thanh T không phải chịu án phí sơ thẩm. Được nhận lại số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 6.319.250 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008670 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV5 -CT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Chiêm Ngọc Linh